| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 143/2026/HNGĐ-ST;
Ngày: 31/3/2026.

*Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Văn Lắm;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Minh Thắng
2. Ông Hoàng Duy Hùng

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Khác Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 463/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị **Hồ Thị T** – sinh năm 1990;

CCCD số: 044190002051

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị;

Địa chỉ liên hệ: số B, Nguyễn Công B, xã Đ, tỉnh Quảng Trị;

* Bị đơn: anh **Võ Ngọc T1** – sinh năm 1985;

CCCD số:

Nơi cư trú: ấp K, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

*(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt không lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Qua tìm hiểu, chị Hồ Thị T và anh Võ Ngọc T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2010 tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 15/2010, quyển số 01/2007. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi với nhau. Dù anh chị đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh T1 đã sống ly thân với nhau 10 năm. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Võ Ngọc T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Hồ Tường V, sinh ngày 19/12/2012 và Võ Hồ Bảo N, sinh ngày 09/10/2017, hiện 2 cháu đang sống chung với anh T1. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường V và đề nghị giao cháu Bảo N cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Võ Ngọc T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, đồng thời vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Hồ Tường V, sinh ngày 19/12/2012 và Võ Hồ Bảo N, sinh ngày 09/10/2017, anh T1 vắng mặt không có ý kiến, nên đề nghị giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường V, để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo N. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

*Về quan hệ pháp luật:* Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T1, yêu cầu nuôi con chung, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn hiện cư trú tại xã G, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp.

*Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn:* Nguyên đơn chị Hồ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Võ Ngọc T1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa Chị T và anh T1 trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2007 ngày 24/3/2010, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xin ly hôn với lý do Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống, thường xuyên cự cãi với nhau, anh chị đã cố gắng duy trì mối quan hệ vợ chồng, hàn gắn tình cảm nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân đến nay là 10 năm. Tòa án đã triệu tập anh T1 nhiều lần để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy anh T1 không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của mình. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh T1.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Võ Hồ Tường V, sinh ngày 19/12/2012 và Võ Hồ Bảo N, sinh ngày 09/10/2017, hiện hai cháu đang sống chung với anh T1 và gia đình anh T1. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tường V và đề nghị giao cháu Bảo N cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng. Xét anh T1 không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị T và nguyện vọng của cháu Tường V muốn được sống với mẹ, nguyện vọng của cháu Bảo N muốn được sống với cha. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tường V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và để cháu Bảo N cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị T, nên ghi nhận. Anh T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T. Cụ thể:

**1.** Cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Võ Ngọc T1.

**2.** Về con chung: Giao cháu Võ Hồ Tường V, sinh ngày 19/12/2012 cho chị Hồ Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, để anh Võ Ngọc T1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Hồ Bảo N, sinh ngày 09/10/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Võ Ngọc T1 và chị Hồ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0001288 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp); xem như chị T đã thi hành xong án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Gò Công Đông, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Đặng Văn Lắm**